

Số: /CV-BCĐ
V/v hướng dẫn công tác phổ cập giáo dục,
xóa mù chữ và hồ sơ phục vụ kiểm tra
công nhận kết quả phổ cập giáo dục,
xóa mù chữ năm 2025.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (*gọi tắt là Nghị định 20*); Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) Quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (*gọi tắt là Thông tư 07*); Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT quy định về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thông tin quản lý PCGD, XMC;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ GD&ĐT; Nghị định 143/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ GD&ĐT;

Căn cứ Kế hoạch số 230/KH-UBND ngày 08/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD, XMC) năm 2025; Sở GD&ĐT đề nghị Ủy ban nhân dân (UBND) các xã, phường, đặc khu; Ban Chỉ đạo PCGD, XMC các xã, phường, đặc khu thực hiện số nội dung sau:

I. NHIỆM VỤ PCGD, XMC NĂM 2025

1. Thành lập mới/kiện toàn Ban chỉ đạo PCGD, XMC, cùng với Ban chỉ đạo Xây dựng xã hội học tập tại địa phương; Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đảm bảo đúng tiến độ đề ra; duy trì và nâng cao kết quả PCGD, XMC đạt được. Điều tra thông tin học sinh, học viên, người dân trong độ tuổi và huy động ra lớp, phục vụ công tác PCGD, XMC; thực hiện việc cập nhật dữ liệu trên phiếu điều tra lên hệ thống thông tin điện tử quản lý PCGD, XMC theo đúng kế hoạch của Cục Công nghệ thông tin, Bộ GD&ĐT và hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và Xây dựng xã hội học tập thành phố (Ban Chỉ đạo thành phố); Tổ chức tự kiểm tra kết quả PCGD, XMC tại các xã, phường, đặc khu; Hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị kiểm tra, công nhận kết quả PCGD, XMC hằng năm (*qua Sở GD&ĐT tổng hợp, báo cáo*). Trên cơ sở đó Ban Chỉ đạo thành phố tổ chức kiểm tra công nhận kết quả PCGD, XMC đối với các đơn vị cấp xã, tổng hợp, báo cáo kết quả về Bộ GD&ĐT;

2. Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền tới các tầng lớp nhân dân về vai trò của PCGD, XMC nhằm duy trì và nâng cao chất lượng PCGD, XMC.

3. Đối với các xã, phường, đặc khu: có đại diện phụ trách phổ cập các bậc học GDMN, GDTH, THCS và xóa mù chữ trong Ban chỉ đạo cấp xã; chọn cử cán bộ, giáo viên tham gia công tác điều tra ghi phiếu và cập nhật dữ liệu trên Hệ thống thông tin quản lý PCGD, XMC theo đúng hướng dẫn tại Kế hoạch 230/KH-UBND.

4. Ban chỉ đạo ở các xã, phường, đặc khu chỉ đạo, kiểm tra và hỗ trợ, cùng lãnh đạo nhà trường các cấp; Hội Khuyến học đồng cấp, về cơ sở vật chất, trang thiết bị, giáo viên và nhân viên tham gia làm công tác PCGD, XMC và công tác tổng hợp thông tin, số liệu, minh chứng.. cho việc xây dựng báo cáo kết quả PCGD, XMC cũng như công tác xây dựng xã hội học tập ở cấp xã hằng năm.

5. Về chế độ báo cáo: hoàn thành hệ thống Biểu thống kê dữ liệu PCGD, XMC các bậc học trên Hệ thống thông tin PCGD, XMC (pcgd2.moet.gov.vn) ở cấp xã, trước ngày 25/11/2025; Báo cáo kết quả công tác PCGD, XMC năm 2025 bằng văn bản gửi về Sở trước ngày 30/11/2025 để tổng hợp báo cáo Trưởng ban Ban Chỉ đạo thành phố thực hiện kế hoạch kiểm tra, công nhận.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban chỉ đạo PCGD, XMC chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, sẵn sàng cho việc kiểm tra, công nhận kết quả PCGD, XMC của Ban Chỉ đạo thành phố, kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC năm 2025, thời gian kiểm tra dự kiến từ 05-25/12/2025.

7. Rà soát, bổ sung, sắp xếp hồ sơ PCGD, XMC năm 2025 và hồ sơ, minh chứng có liên quan, đảm bảo công tác lưu trữ hồ sơ PCGD, XMC, đồng thời phục vụ công tác kiểm tra của thành phố và của Bộ GD&ĐT theo quy định.

II. HỒ SƠ CÁC XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU ĐỀ NGHỊ THÀNH PHỐ KIỂM TRA, CÔNG NHẬN ĐẠT CHUẨN PCGD, XMC NĂM 2025

STT	Danh mục hồ sơ của các xã/phường/đặc khu đề nghị thành phố kiểm tra, công nhận đạt chuẩn PCGD-XMC năm 2025
1.	Tờ trình đề nghị Ban Chỉ đạo thành phố kiểm tra, công nhận kết quả PCGD, XMC (gồm PCGD Mầm non trẻ 5 tuổi, PCGD Tiểu học, PCGD Trung học cơ sở, PC Xóa mù chữ);
2.	Báo cáo quá trình thực hiện và kết quả PCGD, XMC năm 2025;
3.	Hệ thống biểu mẫu thống kê của cấp xã, xếp theo thứ tự (từ trên xuống), gồm: MN, TH, THCS, XMC năm 2025;

4.	Quyết định thành lập/kiện toàn Ban Chỉ đạo PCGD, XMC cấp xã (hoặc Ban chỉ đạo PCGD, XMC & XD XHHT cấp xã);
5.	Quyết định thành lập đoàn tự kiểm tra kết quả PCGD, XMC của xã/phường/đặc khu, năm 2025 (<i>bản photocopy</i>);
6.	Quyết định tự công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC của xã/phường/đặc khu, năm 2025 (<i>bản photocopy</i>);
7.	Biên bản tự kiểm tra kết quả PCGD, XMC của xã/phường/đặc khu, năm 2025 (<i>bản photocopy</i>).

Hình thức của hồ sơ: Đóng thành một quyển, bìa ghi rõ các thông tin “*Hồ sơ đề nghị kiểm tra, công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC năm 2025; xã/phường/đặc khu:.....*” cùng danh mục hồ sơ trình từ 1 đến 7, sắp xếp theo đúng thứ tự.

Số lượng hồ sơ và địa điểm nộp: Mỗi xã/phường/đặc khu nộp 01 bộ hồ sơ về Sở GD&ĐT, qua phòng Giáo dục thường xuyên, Giáo dục nghề nghiệp và Đại học (ông Đỗ Hồng Hải, Phó Trưởng phòng - Thư ký Ban Chỉ đạo, số ĐT: 0913575506)

III. HỒ SƠ LƯU TRỮ TẠI CÁC XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU, PHỤC VỤ KIỂM TRA

1. Hệ thống văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện:

Sắp xếp theo thứ tự các tập văn bản theo thứ tự từ cấp trung ương, cấp tỉnh (trước đây), huyện, cấp xã và trong mỗi tập sắp xếp theo thứ tự thời gian ban hành văn bản.

Hình thức của hồ sơ: Bìa ngoài tập văn bản ghi rõ thông tin “*Hồ sơ PCGD, XMC loại 1: Hệ thống văn bản chỉ đạo, triển khai; xã/phường/đặc khu:...., thành phố Hải Phòng*”, kèm theo danh mục các văn bản.

2. Hồ sơ đề nghị thành phố kiểm tra, công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC

STT	Danh mục hồ sơ các xã/phường/đặc khu đề nghị thành phố kiểm tra, công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC năm 2025
1.	Tờ trình đề nghị Ban Chỉ đạo thành phố kiểm tra, công nhận kết quả PCGD, XMC (<i>gồm PCGD Mầm non trẻ 5 tuổi, PCGD Tiểu học, PCGD Trung học cơ sở, PC Xóa mù chữ</i>);
2.	Báo cáo quá trình thực hiện và kết quả PCGD, XMC năm 2025;

3.	Hệ thống biểu mẫu thống kê của cấp xã, xếp theo thứ tự (từ trên xuống), gồm: MN, TH, THCS, XMC năm 2025;
4.	Quyết định thành lập/kiện toàn Ban Chỉ đạo PCGD, XMC cấp xã (hoặc Ban chỉ đạo PCGD, XMC & XD XHHT cấp xã);
5.	Quyết định thành lập đoàn tự kiểm tra kết quả PCGD, XMC của xã/phường/đặc khu, năm 2025 (<i>bản photocopy</i>);
6.	Quyết định tự công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC của xã/phường/đặc khu, năm 2025 (<i>bản photocopy</i>);
7.	Biên bản tự kiểm tra kết quả PCGD, XMC của xã/phường/đặc khu, năm 2025 (<i>bản photocopy</i>).

Hình thức của hồ sơ: đóng thành một quyển, bìa ghi rõ thông tin “*Hồ sơ PCGD, XMC loại 2: Hồ sơ đề nghị thành phố kiểm tra, công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC năm 2025; xã/phường/đặc khu....., thành phố Hải Phòng*” và danh mục hồ sơ trình từ 1 đến 6, sắp xếp đúng thứ tự.

3. Các loại hồ sơ khác (*dùng để làm căn cứ, minh chứng lưu*)

STT	Danh mục các loại hồ sơ khác năm 2025
1.	Phiếu điều tra PCGD, XMC năm 2025
2.	Sổ theo dõi PCGD, XMC năm 2025
3.	Danh sách trẻ em hoàn thành chương trình giáo dục mầm non (<i>đối với PCGDMN TNT</i>); danh sách học sinh hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học (<i>đối với PCGD TH</i>); danh sách học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở; danh sách học sinh có chứng chỉ nghề (<i>đối với PCGD THCS</i>); danh sách người mù chữ trên địa bàn theo mức độ; danh sách học viên được công nhận biết chữ theo các mức độ (nếu có) (<i>đối với XMC</i>)
4.	Sổ đăng bộ
5.	Sổ gọi tên, ghi điểm hoặc danh sách học sinh, học viên theo lớp học tại trường, lớp huy động PCGD, XMC
6.	Danh sách chuyển đi, chuyển đến (<i>có xác nhận của cơ quan Công an</i>)
7.	Danh sách học sinh khuyết tật (<i>có xác nhận của cơ quan Y tế</i>)
8.	Kế hoạch PCGD, XMC của xã/phường/đặc khu xã năm 2025
9.	Danh sách học sinh hoàn thành chương trình/tốt nghiệp năm học 2024-2025 các bậc học tại xã/phường/đặc khu <i>được làm rõ theo sổ học sinh</i>

	<i>có hộ khẩu tại xã/phường/đặc khu; học sinh nơi khác đến; học sinh có hộ khẩu đi học nơi khác)</i>
10.	Số liệu học sinh của xã sau tốt nghiệp THCS năm học 2024-2025 vào học các hệ: THPT, GDTX hoặc đang học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp (<i>số lượng, phần trăm và có minh chứng bằng danh sách kèm theo</i>).

Hình thức của hồ sơ: Bìa ghi rõ thông tin “*Hồ sơ PCGD, XMC loại 3: Các loại hồ sơ khác; : xã/phường/ đặc khu....., thành phố Hải Phòng*” và danh mục hồ sơ trình từ 1 đến 10, sắp xếp đúng thứ tự.

IV. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG THỨC KIỂM TRA

1. Thành phố kiểm tra các đơn vị cấp xã

- Nội dung kiểm tra: Công tác chỉ đạo, triển khai, thực hiện và kết quả PCGD, XMC; hồ sơ PCGD, XMC lưu các năm; các điều kiện đảm bảo thực hiện PCGD, XMC và các nội dung liên quan.

- Địa điểm: kiểm tra hồ sơ tập trung tại địa điểm do Sở GD&ĐT bố trí hoặc tại các đơn vị cấp xã theo cụm (*Có Kế hoạch và Quyết định kiểm tra cụ thể*)

- Thời gian dự kiến: Từ 05/12/2025.

2. Tự kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC các đơn vị cấp xã

- Nội dung kiểm tra: tự kiểm tra, đánh giá của ban chỉ đạo cấp xã về công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện và kết quả PCGD, XMC tại địa phương; các điều kiện đảm bảo thực hiện PCGD, XMC; hồ sơ PCGD, XMC lưu tại đơn vị các năm; và các nội dung liên quan.

- Địa điểm: Tại các địa phương xã/phường/đặc khu;

- Thời gian (dự kiến): từ 20/11/2025 đến 30/11/2025

Nhận được công văn này, Sở GD&ĐT đề nghị Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu; Ban Chỉ đạo PCGD,XMC; Phòng Văn hóa xã hội tham mưu triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, phản ánh kịp thời về Sở GD&ĐT, cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo PCGD, XMC thành phố (*ông Đỗ Hồng Hải - Phó Trưởng phòng, Phòng GDTX,GDNN&ĐH Sở GDĐT- Thư ký Ban Chỉ đạo*) để phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND TP (để báo cáo);
- PCT Nguyễn Minh Hùng (để báo cáo);
- GD, các PGD Sở (để chỉ đạo);
- Các phòng GDMN, GDTH, GDTrH;
- Lưu: VT, GDTX,GDNN&ĐH.

**TM. BAN CHỈ ĐẠO
PHÓ TB THƯỜNG TRỰC**

**GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT
Lương Văn Việt**

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA,
CÔNG NHẬN PCGD-XMC
CẤP TỈNH

Phụ lục 1

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BCĐ PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XMC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2025

BIÊN BẢN KIỂM TRA CÔNG NHẬN KẾT QUẢ PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ NĂM 2025

ĐƠN VỊ (XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU):

Thực hiện Quyết định số /QĐ-BCĐ....., ngày /...../2025 của của Ban Chỉ đạo thành phố, về việc thành lập đoàn kiểm tra kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025 đối với các xã, phường, đặc khu, Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra đối với:
..... Cụ thể:

I. THÀNH PHẦN, THỜI GIAN, NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA

1. Thành phần đoàn kiểm tra

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Thành phần đơn vị đón đoàn kiểm tra

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Thời gian kiểm tra:

.....

4. Nội dung kiểm tra

Nghe báo cáo tình hình thực hiện công tác phổ cập giáo dục của đơn vị.

Kiểm tra hồ sơ PCGD, XMC và kết quả tự đánh giá theo mức độ; đối chiếu với kết quả tính toán và số liệu PCGD, XMC có liên quan trên Hệ thống thông tin quản lý dữ liệu.

Kiểm tra thực tế các tiêu chuẩn phổ cập theo quy định tại trường học các cấp, lớp, trung tâm, hộ gia đình khi cần. Cụ thể:

4.1. Về danh mục hồ sơ

4.1.1. Tập văn bản chỉ đạo, triển khai (*gồm tập văn bản chỉ đạo của Trung ương, thành phố, cấp huyện (từ 05/9/2024 đến 01/7/2025, nếu có) và của cấp xã*)

4.1.2. Hồ sơ đề nghị thành phố công nhận đạt chuẩn

- Tờ trình đề nghị thành phố kiểm tra, công nhận :
- Báo cáo quá trình thực hiện và kết quả PCGD, XMC:
- Hệ thống biểu thống kê của đơn vị cấp xã, xếp theo thứ tự từ trên xuống MN, TH, THCS, XMC:
- Quyết định thành lập/kiện toàn Ban Chỉ đạo PCGD, XMC cấp xã (hoặc Ban chỉ đạo PCGD, XMC & XD XHHT cấp xã);
- Quyết định thành lập đoàn tự kiểm tra có danh sách kèm theo, biên bản tự kiểm tra PCGD, XMC của xã/phường/đặc khu:.....;
- Quyết định tự công nhận xã đạt chuẩn PCGD, XMC:
- Biên bản tự kiểm tra kết quả PCGD, XMC của đơn vị, năm 2025:

4.1.3. Kế hoạch kiểm tra của thành phố; Quyết định thành lập đoàn kiểm tra có danh sách kèm theo:

+ Ưu điểm:

.....

+ Hạn chế:

.....

4.2. Về chất lượng hồ sơ

4.2.1. Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo phổ cập cấp xã năm 2025

.....

4.2.2. Kế hoạch thực hiện công tác phổ cập năm 2025

.....

.....

.....

.....

.....

4.2.3. Phiếu điều tra gốc (đóng thành sổ): Số lượng sổ/sổ thôn; công tác theo dõi, ghi chép đầy đủ thông tin trên phiếu; độ chính xác của thông tin; tính pháp lý và hình thức của thông tin trên phiếu,

.....

.....

.....

.....

.....

4.2.4. Sổ đăng bộ:

.....

.....

.....

4.2.5. Giấy khai sinh (giấy tờ khác nếu có) của học sinh:

.....

.....

.....

4.2.6. Sổ điểm các khối lớp (từ lớp 1 đến lớp 9), danh sách học sinh HTCT Tiểu học, danh sách HS có chứng chỉ nghề (THCS), danh sách học sinh tốt nghiệp bậc THCS:

.....

.....

.....

4.2.7. Biên bản tự kiểm tra, tờ trình:

.....

.....

.....

4.2.8. Báo cáo quá trình thực hiện và kết quả phổ cập giáo dục

.....

.....

.....

4.2.9. Sổ phổ cập: in từ phần mềm, in theo độ tuổi, theo dõi theo năm học.

.....

.....

.....

4.2.10. Sổ theo dõi các đối tượng từ 0-60 tuổi chuyển đi, chuyển đến, chết; học sinh, khuyết tật (in theo thôn; hàng năm có điều chỉnh, bổ sung sau khi điều tra):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

[illegible]

5. Kết quả kiểm tra PCGD, XMC

Tổng số thôn, xóm, bản, làng, phố..... (gọi chung là đơn vị thôn):..... Trong đó số thôn giảm (tăng) trong năm 2025:.....

5.1. Phổ cập giáo dục

Bậc học	Tiêu chuẩn, tiêu chí	Số lượng	Tỉ lệ	Đánh giá (Đạt hay chưa đạt, ở mức độ nào)	Căn cứ để đánh giá tiêu chuẩn theo ND 20/CP
Mầm non	- Số trẻ 5 tuổi đến lớp				$\geq 95\%$
	- Số trẻ 6 tuổi hoàn thành chương trình GDMN				$\geq 85\%$
	Kết quả chung	Đạt tỉ lệ phổ cập: (%) Đạt PCGDMN TNT			
Tiểu học	- Trẻ em 6 tuổi vào lớp 1				$\geq 90\%$ (MĐ1) $\geq 95\%$ (MĐ2) $\geq 98\%$ (MĐ3)
	- Trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học				$\geq 80\%$ (MĐ1) $\geq 80\%$ (MĐ2) $\geq 90\%$ (MĐ3)
	Kết quả chung	Đạt tỉ lệ phổ cập: (%). Mức độ:			
THCS	Mức độ 1: - Tiểu học đạt chuẩn mức độ 1, xóa mù chữ đạt mức 1 - Số HS hoàn thành chương trình TH vào học lớp 6 - Số HS TN THCS (2 hệ) năm học (vừa qua) - Thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp THCS				$\geq 95\%$ $\geq 90\%$ $\geq 80\%$
	Mức độ 2: - THCS đạt chuẩn mức độ 1, - Thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp THCS $\geq 90\%$				$\geq 90\%$
	Mức độ 3: - THCS đạt chuẩn mức độ 2				

- Thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp THCS $\geq 95\%$				$\geq 95\%$
- Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15-18 đang học chương trình GDPT (hoặc GDTX) cấp THPT hoặc giáo dục nghề nghiệp đạt ít nhất 80%				$\geq 80\%$
Kết quả chung	Đạt tỉ lệ phổ cập: (%). Mức độ:.....			

5.2. Xóa mù chữ:

(Đối tượng, chương trình giáo dục xóa mù chữ và tiêu chuẩn cá nhân đạt chuẩn biết chữ theo nghị định số 20/NĐ-CP)

Mức độ	Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tỉ lệ (%)	Đánh giá (Đạt hay chưa đạt)	Căn cứ để đánh giá tiêu chuẩn theo ND 20/CP
1	Số người trong độ tuổi từ 15 đến 25 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1 (đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn)			≥ 90%
	Số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1			
2	Số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 (đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn)			≥ 90%
	Số người trong độ tuổi từ 15 đến 60 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2			
Kết quả chung		Đạt mức độ:		

5.3. Điều kiện bảo đảm về PCGD, XMC theo Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá (Đạt hay chưa đạt)	Căn cứ để đánh giá tiêu chuẩn
- Đội ngũ cán bộ giáo viên		Dựa vào các tiêu chí quy định tại điều 22, 23, 24 trong nghị định số 20/NĐ-CP, Quy định về PCGD, XMC
- Cơ sở vật chất thiết bị		
- Sự phối hợp của các tổ chức chính trị, xã hội, chính trị - xã hội		
- Kinh phí chi cho công tác phổ cập		

II. KẾT LUẬN, ĐÁNH GIÁ CHUNG CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

Qua kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế, kết hợp đối chiếu số liệu trên Hệ thống thông tin PCGD, XMC tại xã/phường/đặc khu:, đối chiếu với các tiêu chuẩn quy định, Đoàn kiểm tra đánh giá công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của đơn vị tại thời điểm kiểm tra như sau:

1. Phổ cập Mầm non

- Đạt chuẩn (hoặc chưa đạt chuẩn):
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình Mầm non:%
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi học 2 buổi/ ngày :%
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi đi học chuyên cần:%

- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi SDD thể nhẹ cân:%
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi SDD thể thấp còi:%
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình Mầm non:%
- Trẻ mẫu giáo 3 - 4 tuổi được hưởng chế độ: ...
- Trẻ mẫu giáo 5 tuổi được hưởng chế độ:
- Tỷ lệ trẻ khuyết tật 5 tuổi có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục:%

2. Phổ cập Tiểu học

- Đạt chuẩn (hoặc chưa đạt chuẩn):; Mức độ đạt:
- Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1: %.
- Tỷ lệ trẻ đến 14 tuổi hoàn thành CTTH: %.
- Tỷ lệ trẻ 11-14 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học: %.
- Tỷ lệ trẻ khuyết tật từ 6-14 tuổi có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục: %.
- Số trẻ bỏ học:đạt.....%

3. Phổ cập THCS

- Đạt mức

- Tỷ lệ huy động học sinh 11 tuổi vào lớp 6 :%.
- Tỷ lệ thanh, thiếu niên 15-18 tuổi có bằng TN THCS:%
- Tỷ lệ trẻ khuyết tật từ 11-18 tuổi có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục%.

- Số thanh, thiếu niên trong độ tuổi 11-18 tuổi bỏ học (cả 3 cấp): ...; Tỷ lệ ... trong đó độ tuổi từ 11-14 tuổi bỏ học: ...; độ tuổi từ 15-18 tuổi bỏ học:

- Tỷ lệ học sinh vào trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên và học nghề đạt%.

Kết quả TNTHCS vào lớp 10 THPT, GDTX, học nghề

- Tổng số học sinh tốt nghiệp THCS (hai hệ) năm qua (học sinh lớp 9 năm học-.....): đạt tỉ lệ

- Số học sinh tốt nghiệp THCS năm học-... vào học lớp 10 THPT, GDTX THPT, TCCN, trường dạy nghề chiếm tỉ lệ (trong đó vào học lớp 10 THPT:; Tỉ lệ:, học lớp 10 GDTX THPT, tỉ lệ, học nghề, tỉ lệ).

- Tổng số học sinh tốt nghiệp THPT năm qua (năm học-.....):/.....; Tỉ lệ

- Tổng số thanh, thiếu niên từ 18-21:; có bằng tốt nghiệp THPT, BT THPT, THCN:; Tỉ lệ

- Số thanh, thiếu niên trong độ tuổi 18-21 tuổi ngoài nhà trường:; Tỉ lệ

4. Xóa mù chữ:

- Số người mù chữ trong độ tuổi 15-60:
- Số người biết chữ mức độ 1:; tỷ lệ:
- Số người biết chữ mức độ 2:; tỷ lệ:
- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ:

III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

1. Về công tác chỉ đạo, quản lý, thực hiện PCGD, XMC của BCD PCGD, XMC của địa phương:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Về tiêu chuẩn, điều kiện bảo đảm PCGD, XMC:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3 Về hồ sơ, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận PCGD, XMC

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

T/M BCĐ PCGD, XMC
XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU....

T/M ĐOÀN KIỂM TRA

Phụ lục 2

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BCĐ PCGD, XMC XÃ/PHƯỜNG/ĐK...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 2025.

**BIÊN BẢN TỰ KIỂM TRA, CÔNG NHẬN KẾT QUẢ PHỔ CẬP
GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ NĂM 2025**

Đơn vị:

I. THÀNH PHẦN, THỜI GIAN, NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA

1. Thành phần Đoàn tự kiểm tra

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Thời gian kiểm tra

.....
.....

3. Nội dung tự kiểm tra:

Ban chỉ đạo cấp xã tự kiểm tra, đánh giá về hồ sơ PCGD, XMC; tự đánh giá mức độ hoàn thành PCGD, XMC; đối chiếu với kết quả tính toán và số liệu PCGD, XMC có liên quan trên Hệ thống thông tin quản lý dữ liệu.

Kiểm tra đối chiếu thực tế các tiêu chuẩn phổ cập theo quy định tại trường học các cấp, lớp, trung tâm, hộ gia đình trên địa bàn.

3.1. Về danh mục hồ sơ

3.1.1. Tập văn bản chỉ đạo, triển khai (gồm tập văn bản chỉ đạo của Trung ương, thành phố, cấp huyện (từ 05/9/2024 đến 01/7/2025, nếu có) và của cấp xã)

3.1.2. Hồ sơ đề nghị thành phố công nhận đạt chuẩn

- Tờ trình đề nghị thành phố kiểm tra, công nhận :

- Báo cáo quá trình thực hiện và kết quả PCGD, XMC:

- Hệ thống biểu thống kê của đơn vị cấp xã, xếp theo thứ tự từ trên xuống MN, TH, THCS, XMC:

- Quyết định thành lập/kiện toàn Ban Chỉ đạo PCGD, XMC cấp xã (hoặc Ban chỉ đạo PCGD, XMC & XD XHHT cấp xã);

- Quyết định thành lập đoàn tự kiểm tra có danh sách kèm theo, biên bản tự kiểm tra PCGD, XMC của xã/phường/đặc khu:.....;

- Quyết định tự công nhận xã đạt chuẩn PCGD, XMC:

- Biên bản tự kiểm tra kết quả PCGD, XMC của đơn vị, năm 2025:

3.1.3. Kế hoạch kiểm tra của thành phố; Quyết định thành lập đoàn kiểm tra có danh sách kèm theo:

+ Ưu điểm:

.....

.....

.....

.....

.....

+ Hạn chế:

.....

.....

.....

.....

.....

3.2. Về chất lượng hồ sơ

3.2.1. Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo phổ cập cấp xã (thị trấn) năm....

.....

.....

.....

.....

.....

3.2.2. Kế hoạch thực hiện công tác phổ cập năm 2025

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3.2.3. Phiếu điều tra gốc (đóng thành sổ): Số lượng sổ/sổ thôn; công tác theo dõi, ghi chép đầy đủ thông tin trên phiếu; độ chính xác của thông tin; tính pháp lý và hình thức của thông tin trên phiếu

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3.2.4. Sổ đăng bộ:

.....

.....

.....

.....

3.2.5. Giấy khai sinh (giấy tờ khác nếu có) của học sinh:

.....

.....

.....

3.2.6. Sổ điểm các khối lớp (từ lớp 1 đến lớp 9), danh sách học sinh HTCT Tiểu học, danh sách HS có chứng chỉ nghề (THCS), danh sách học sinh tốt nghiệp bậc THCS:

.....

.....

.....

3.2.7. Biên bản tự kiểm tra, tờ trình:

.....

.....

.....

3.2.8. Báo cáo quá trình thực hiện và kết quả phổ cập giáo dục

.....

.....

.....

3.2.9. Sổ phổ cập: in từ phần mềm, in theo độ tuổi, theo dõi theo năm học.

.....

.....

.....

3.2.10. Sổ theo dõi các đối tượng từ 0-60 tuổi chuyển đi, chuyển đến, chết; học sinh, khuyết tật (in theo thôn; hàng năm có điều chỉnh, bổ sung sau khi điều tra):

.....

.....

.....

3.2.11. Sổ theo dõi học sinh chuyển đi (trong tỉnh, ngoài tỉnh), chuyển đến (trong tỉnh, ngoài tỉnh), chết (in theo độ tuổi, năm học):

.....

.....

.....

3.2.12. Danh sách HS toàn trường (in theo: lớp, thôn, cấp học):

.....

.....

.....

3.2.13. Danh sách HS học trái tuyến (số đi học nơi khác; số chuyển đến học).

.....

.....

.....

3.2.14. Danh sách HS lưu ban (trường TH, THCS);

3.2.15. Danh sách HS khuyết tật học hòa nhập, HS không đến trường (Nếu là HS khuyết tật có xác nhận của trạm y tế xã, UBND cấp xã):

3.2.16. Các biểu mẫu thống kê (in theo từng cấp học): tính chính xác của số liệu, kiểm tra đối chiếu trực tiếp số liệu trên Hệ thống thông tin quản lý PCGD, XMC năm 2025.

Các loại hồ sơ sổ sách khác (nếu có):

4. Kết quả tự kiểm tra PCGD, XMC

Tổng số thôn, xóm, bản, làng, phố..... (gọi chung là đơn vị thôn):..... Trong đó số thôn giảm (tăng) trong năm 2025:.....

4.1. Phổ cập giáo dục

Bậc học	Tiêu chuẩn, tiêu chí	Số lượng	Tỉ lệ	Đánh giá (Đạt hay chưa đạt, ở mức độ nào)	Căn cứ để đánh giá tiêu chuẩn theo ND 20/CP
Mầm non	- Số trẻ 5 tuổi đến lớp				≥ 95%
	- Số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN				≥ 85%
	Kết quả chung	Đạt tỉ lệ phổ cập: (%). Đạt PCMNT			
Tiểu học	- Trẻ em 6 tuổi vào lớp 1				≥ 90% (MĐ1)

					$\geq 95\%$ (MĐ2) $\geq 98\%$ (MĐ3)
	- Trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học				$\geq 80\%$ (MĐ1) $\geq 80\%$ (MĐ2) $\geq 90\%$ (MĐ3)
	Kết quả chung	Đạt tỉ lệ phổ cập: (%). Mức độ:.....			
THCS	Mức độ 1: - Tiểu học đạt chuẩn mức độ 1, xóa mù chữ đạt mức 1 - Số HS hoàn thành chương trình TH vào học lớp 6 - Số HS TN THCS (2 hệ) năm học (vừa qua) - Thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp THCS				$\geq 95\%$ $\geq 90\%$ $\geq 80\%$
	Mức độ 2: - THCS đạt chuẩn mức độ 1, - Thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp THCS $\geq 90\%$				$\geq 90\%$
	Mức độ 3: - THCS đạt chuẩn mức độ 2 - Thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp THCS $\geq 95\%$ - Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15-18 đang học chương trình GDPT (hoặc GDTX) cấp THPT hoặc giáo dục nghề nghiệp đạt ít nhất 80%				$\geq 95\%$ $\geq 80\%$
	Kết quả chung	Đạt tỉ lệ phổ cập: (%). Mức độ:.....			

4.2. Xóa mù chữ:

(Đối tượng, chương trình giáo dục xóa mù chữ và tiêu chuẩn cá nhân đạt chuẩn biết chữ theo nghị định số 20/NĐ-CP)

Mức độ	Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tỉ lệ (%)	Đánh giá (Đạt hay chưa đạt)	Căn cứ để đánh giá tiêu chuẩn theo ND 20/CP
1	Số người trong độ tuổi từ 15 đến 25 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1 (đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn)			$\geq 90\%$
	Số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1			

2	Số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 (đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn)		$\geq 90\%$
	Số người trong độ tuổi từ 15 đến 60 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2		
Kết quả chung		Đạt mức độ:	

4.3. Điều kiện bảo đảm thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá (Đạt hay chưa đạt)	Căn cứ để đánh giá tiêu chuẩn
- Đội ngũ cán bộ giáo viên		Dựa vào các tiêu chí quy định tại điều 22, 23, 24 trong nghị định số 20/NĐ-CP, Quy định về PCGD, XMC
- Cơ sở vật chất thiết bị		
- Sự phối hợp của các tổ chức chính trị, xã hội, chính trị - xã hội		
- Kinh phí chi cho công tác phổ cập		

II. KẾT LUẬN ĐÁNH GIÁ

Qua quá trình tự kiểm tra hồ sơ và thực tế, kết hợp đối chiếu số liệu trên Hệ thống thông tin PCGD, XMC tại xã/phường/đặc khu:, liên hệ với các tiêu chuẩn quy định, Đoàn tự kiểm tra đánh giá công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của đơn vị tại thời điểm kiểm tra như sau:

1. Phổ cập Mầm non

- Đạt chuẩn (hoặc chưa đạt chuẩn):
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình Mầm non:%
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi học 2 buổi/ ngày :%
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi đi học chuyên cần:%
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi SDD thể nhẹ cân:%
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi SDD thể thấp còi:%
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình Mầm non:%
- Trẻ mẫu giáo 3 - 4 tuổi được hưởng chế độ: ...
- Trẻ mẫu giáo 5 tuổi được hưởng chế độ:
- Tỷ lệ trẻ khuyết tật 5 tuổi có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục:%

2. Phổ cập Tiểu học

- Đạt chuẩn (hoặc chưa đạt chuẩn):; Mức độ đạt:
- Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1: %.
- Tỷ lệ trẻ đến 14 tuổi hoàn thành CTTH: %.
- Tỷ lệ trẻ 11-14 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học: %.
- Tỷ lệ trẻ khuyết tật từ 6-14 tuổi có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục: %.
- Số trẻ bỏ học:đạt.....%

3. Phổ cập THCS

- Đạt mức
- Tỷ lệ huy động học sinh 11 tuổi vào lớp 6 :%.
- Tỷ lệ thanh, thiếu niên 15-18 tuổi có bằng TN THCS:%
- Tỷ lệ trẻ khuyết tật từ 11-18 tuổi có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục%.

- Số thanh, thiếu niên trong độ tuổi 11-18 tuổi bỏ học (cả 3 cấp): ...; Tỷ lệ ... trong đó độ tuổi từ 11-14 tuổi bỏ học: ...; độ tuổi từ 15-18 tuổi bỏ học:

- Tỷ lệ học sinh vào trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên và học nghề đạt%.

Kết quả TNTHCS vào lớp 10 THPT, GDTX, học nghề

- Tổng số học sinh tốt nghiệp THCS (hai hệ) năm qua (học sinh lớp 9 năm học-.....): đạt tỷ lệ

- Số học sinh tốt nghiệp THCS năm học-... vào học lớp 10 THPT, GDTX THPT, TCCN, trường dạy nghề chiếm tỷ lệ (trong đó vào học lớp 10 THPT:; Tỷ lệ:, học lớp 10 GDTX THPT, tỷ lệ, học nghề, tỷ lệ).

- Tổng số học sinh tốt nghiệp THPT năm qua (năm học-.....):/.....; Tỷ lệ

- Tổng số thanh, thiếu niên từ 18-21:; có bằng tốt nghiệp THPT, BT THPT, THCN:; Tỷ lệ

- Số thanh, thiếu niên trong độ tuổi 18-21 tuổi ngoài nhà trường:; Tỷ lệ

4. Xóa mù chữ:

- Số người mù chữ trong độ tuổi 15-60:

- Số người biết chữ mức độ 1:; tỷ lệ:

- Số người biết chữ mức độ 2:; tỷ lệ:

- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ:

CHỦ TỊCH UBND CẤP XÃ

T/M ĐOÀN KIỂM TRA

Phụ lục 3

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BCĐ PCGD, XMC XÃ/PHƯỜNG/ĐK...

Số:...../BC-BCĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 2025.

BÁO CÁO

Kết quả Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025

(Từ ngày ... tháng... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: Sở GD&ĐT Hải Phòng.

Phần I

BÁO CÁO VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ

I. ĐẶC ĐIỂM CHUNG

1. Tình hình địa phương
2. Quy mô mạng lưới trường, lớp, học sinh, giáo viên, nhân viên.

II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo.
2. Công tác tuyên truyền, vận động.
3. Quá trình thực hiện công tác PCGD, XMC
4. Hoạt động của Ban Chỉ đạo PCGD, XMC

III. Thuận lợi, khó khăn

Phần II

KẾT QUẢ PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ NĂM 2025

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư số 07/2016/TT/BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc quy định về điều kiện đảm bảo và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Quyết định số 1387/QĐ-BGDĐT ngày 29/4/2016 của Bộ GD&ĐT về việc đính chính Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy định, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

Căn cứ Kế hoạch số 230/KH-UBND ngày 08/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số /KH-BCĐ ngày .../.../2025 ; Quyết định số /QĐ-BCĐ của Ban Chỉ đạo (cấp xã)..... về việc tự kiểm tra công nhận kết quả PCGD, XMC; Căn cứ Biên bản kiểm tra; Kết quả PCGD, XMC của: năm 2025 đạt được như sau:

1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi

- Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi đến trường:%
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi học 2 buổi/ ngày :%
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi đi học chuyên cần:%
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi SDD thể nhẹ cân:%
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi SDD thể thấp còi:%
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình Mầm non:%
- Tỷ lệ trẻ khuyết tật 5 tuổi có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục:%
- Tổng số trẻ 0-2 tuổi: ..., ra lớp: ...; Tỷ lệ: ... trong đó trẻ học tại địa bàn là 110 trẻ, trẻ học ngoài địa bàn là ... trẻ
- Tổng số trẻ 3-5 tuổi: ..., ra lớp: ...; Tỷ lệ: ... trong đó trẻ học tại địa bàn là ... trẻ, trẻ học ngoài địa bàn là ... trẻ.
- Tổng số trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 0-5 tuổi trên địa bàn: ...; số trẻ khuyết tật được tiếp cận giáo dục: 1; Tỷ lệ: ...
- Trẻ mẫu giáo 3 – 4 tuổi được hưởng chế độ: ...
- Trẻ mẫu giáo 5 tuổi được hưởng chế độ:

* Kết quả:

2. Phổ cập giáo dục tiểu học

- Tổng số trẻ 6 tuổi huy động vào lớp 1:
- Tổng số trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học (năm học ...-...) ..., đạt tỉ lệ ...
- Tổng số trẻ 11-14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học (tính đến năm học ...-...): ... đạt tỉ lệ ...%. Trong đó số trẻ em 14 tuổi: ...; hoàn thành chương trình tiểu học: ...; Tỷ lệ
- Tổng số trẻ 11 tuổi đang học ở Tiểu học chiếm tỉ lệ
- Số trẻ 6-14 tuổi ngoài nhà trường:; Tỷ lệ:
- Tổng số trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 11-14 tuổi trên địa bàn: ..., trong đó số trẻ khuyết tật 11-14 tuổi được tiếp cận giáo dục:; Tỷ lệ:

* Kết quả:.....

3. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở

- Tổng số thanh, thiếu niên từ 15-18 tuổi phải phổ cập: ...; tốt nghiệp THCS (tính đến năm học ...-...): ...; Tỷ lệ ...
- Tổng số thanh, thiếu niên từ 15-18 tuổi đã tốt nghiệp THCS đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên, GDNN:; Tỷ lệ ...
- Số thanh, thiếu niên trong độ tuổi 11-18 tuổi bỏ học (cả 3 cấp): ...; Tỷ lệ ... trong đó độ tuổi từ 11-14 tuổi bỏ học: ...; độ tuổi từ 15-18 tuổi bỏ học:
- Số thanh, thiếu niên từ 15-18 ngoài nhà trường (cả 3 cấp): ..., Tỷ lệ ...
- Số lớp PCGD THCS: ...
- Tổng số trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 11-18 tuổi trên địa bàn: ..., số trẻ khuyết tật 11-18 tuổi được tiếp cận giáo dục: ...; Tỷ lệ: ...
- Tỷ lệ học sinh vào trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên và học nghề đạt%.

*** Kết quả:.....**

4. Kết quả TN THCS, vào lớp 10 hệ THPT, GDTX, học nghề

- Tổng số học sinh TN THCS (hai hệ) năm qua (học sinh lớp 9 năm học ...-...): ... đạt tỉ lệ ...;
- Số học sinh tốt nghiệp THCS năm học ...-... vào học lớp 10 THPT, GDTX THPT, TCCN, trường dạy nghề ... chiếm tỉ lệ ... (trong đó vào học lớp 10 THPT: ...; Tỉ lệ: ..., học lớp 10 GDTX THPT ..., tỉ lệ ..., học nghề ..., tỉ lệ ...).
- Tổng số học sinh tốt nghiệp THPT năm qua (năm học ...-...): .../...; Tỉ lệ ...;
- Tổng số thanh, thiếu niên từ 18-21: ...; có bằng tốt nghiệp THPT, BT THPT, THCN: ...; Tỉ lệ ...
- ...
- Số thanh, thiếu niên trong độ tuổi 18-21 tuổi ngoài nhà trường: ...; Tỉ lệ ...

5. Công tác xóa mù chữ

5.1. Huy động người trong độ tuổi tham gia lớp xóa mù chữ

- Số lớp xóa mù chữ:
- Số học viên tham gia:

5.2. Công tác phối hợp

- Phối hợp với Hội khuyến học
- Phối hợp bộ đội biên phòng
- Phối hợp với Công an
- Phối hợp với các đơn vị liên quan

.....

5.3. Kết quả đạt được

a) Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 25: ... trong đó:

- Đối với mức độ 1

- + Số người trong độ tuổi từ 15-25 biết chữ: ..., tỉ lệ: ...
- + Số người trong độ tuổi từ 15-25 mù chữ: ..., tỉ lệ: ...

- Đối với mức độ 2

- + Số người trong độ tuổi từ 15-25 biết chữ: ..., tỉ lệ: ...
- + Số người trong độ tuổi từ 15-25 mù chữ: ..., tỉ lệ: ...

b) Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 35: ... trong đó:

- Đối với mức độ 1

- + Số người trong độ tuổi từ 15-35 biết chữ: ..., tỉ lệ: ...
- + Số người trong độ tuổi từ 15-35 mù chữ: ..., tỉ lệ: ...

- Đối với mức độ 2

- + Số người trong độ tuổi từ 15-35 biết chữ: ..., tỉ lệ: ...
- + Số người trong độ tuổi từ 15-35 mù chữ: ..., tỉ lệ: ...

c) Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 60: ... trong đó:

- Đối với mức độ 1

- + Số người trong độ tuổi từ 15-60 biết chữ: ..., tỉ lệ: ...

+ Số người trong độ tuổi từ 15-60 mù chữ: ..., tỉ lệ: ...

- Đối với mức độ 2

+ Số người trong độ tuổi từ 15-60 biết chữ: ..., tỉ lệ: ...

+ Số người trong độ tuổi từ 15-60 mù chữ: ..., tỉ lệ: ...

d) Xã đạt chuẩn xóa mù chữ

- Số xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1:

- Số xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2:

*** Kết quả huyện đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ**

6. Điều kiện đảm bảo theo Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT:

6.1. Cơ sở vật chất

6.1.1. Mầm non:

6.1.2. Tiểu học:

6.1.3. THCS:

6.2. Kinh phí

6.2.1. Kinh phí PCGD, XMC

6.3. Giáo viên

6.3.1. Mầm non:

6.3.2. Tiểu học:

6.3.3. THCS:

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

2. Tồn tại, hạn chế

Phần III

PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN CÔNG TÁC PCGD, XMC NĂM 2026

I. MỤC TIÊU CHUNG

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

...

Trên đây là báo cáo kết quả công tác PCGD, XMC năm 2025, Ban Chỉ đạo PCGD, XMC ... kính gửi Ban Chỉ đạo thành phố; Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;

- ...

- Lưu: VT, BCĐ PCGD, XMC

TM. BAN CHỈ ĐẠO PCGD, XMC

TRƯỞNG BAN

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)